

QUYẾT ĐỊNH

Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 10 tháng 12 năm 2021 phê duyệt Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 184/TTr-SNN ngày 01 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về nội dung chi, mức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 3 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn quốc gia, hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh, hộ mới thoát nghèo trong vòng 3 năm (kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); người khuyết tật (không có sinh kế ổn định).

2. Hộ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

3. Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Nguyên tắc, phương thức hỗ trợ

Thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Điều 4. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, tổng kết

a) Mức chi nước uống phục vụ lớp học, hỗ trợ tiền ăn cho học viên, các khoản chi phí theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học áp dụng mức chi tại khoản 5, khoản 8, khoản 9 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

b) Chi thù lao cho giảng viên, trợ giảng: áp dụng mức chi tại điểm c khoản 1 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp

Hỗ trợ cây giống, con giống, vật tư thiết yếu (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, thuốc thú y, thức ăn, vắc xin, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất) phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho các mô hình khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Mức hỗ trợ tối đa không quá:

a) Đối với phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc các lĩnh vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản: mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/hộ.

b) Đối với phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc lĩnh vực trồng trọt: mức hỗ trợ không quá 15 triệu đồng/hộ.

3. Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác

Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo Mục II Phụ lục 1, Mục II Phụ lục 2, Mục II Phụ lục 3 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí được bố trí trong nguồn vốn thực hiện dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo tại điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đảm bảo không vượt so với nguồn vốn đã được bố trí trong Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Giao Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ NN&PTNT;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Công TTĐT tỉnh;
- TT Công báo-Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, SNN, (.5.).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Vinh